

TRI THỨC DÂN GIAN CỦA NGƯỜI KHMER TRÀ VINH TRONG CHẾ TÁC MŨO, MẶT NẠ PHỤC VỤ NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN

THE FOLK KNOWLEDGE OF KHMER PEOPLE IN TRA VINH IN MAKING MASKS, CROWNS FOR ART PERFORMANCES

Sơn Cao Thăng¹

Tóm tắt – Qua quá trình tồn tại và phát triển, tộc người Khmer Nam Bộ nói chung và người Khmer tại Trà Vinh đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm ở các lĩnh vực nhất định. Trong nghệ thuật biểu diễn, họ đã tạo ra mũo, mặt nạ - sản phẩm văn hóa độc đáo thể hiện trình độ nghệ thuật và tri thức dân gian tộc người. Nghiên cứu này làm rõ tri thức chế tác mũo, mặt nạ gắn với yếu tố thiên nhiên, yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo, kỹ thuật chế tác truyền thống của các nghệ nhân, giá trị của sản phẩm mũo, mặt nạ đối với văn hóa, nghệ thuật tộc người nơi đây.

Từ khóa: kỹ thuật chế tác mũo, mặt nạ Khmer; mũo, mặt nạ Khmer Nam Bộ; tri thức dân gian Khmer.

Abstract – During the developmental period, the southern Khmer people in general and Khmer people in Tra Vinh province in particular have been gaining a variety of experiences in some definite fields. In art performances they have made mask and crown – the uniquely cultural products prove the art level and folk knowledge of the ethnic community. This paper researches the technique of making crown and mask which connect with elements such as nature, religion, technique of craftsman, the value of cultural product, and the art of indigenous people.

Keywords: the technique of making crown and mask of the Khmer people; crown and mask of the southern Khmer people; the folk

knowledge of Khmer people

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong số các tộc người có mặt tại vùng đất Nam Bộ, người Khmer là tộc người có số dân khá đông và định cư từ khá sớm. Cuộc sống của họ tự bao đời phụ thuộc chặt chẽ vào tự nhiên và có truyền thống canh tác lúa nước. Chính vì vậy, người Khmer đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm cũng như kiến thức ở nhiều lĩnh vực bao gồm: thời tiết, môi trường sống, lao động sản xuất, tôn giáo, y tế, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật... Tất cả những tri thức ấy được thực hành và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, đem lại hiệu ứng tích cực trong quá trình phát triển của xã hội. Tuy nhiên, không phải tri thức dân gian nào cũng đều tồn tại mãi, chúng sẽ được tiếp nhận và thay đổi phù hợp với điều kiện sống. Nghiên cứu nghệ thuật biểu diễn Khmer cho thấy: người Khmer đã vận dụng sự hiểu biết, kinh nghiệm tạo nên chiếc mũo, mặt nạ - đây là sản phẩm văn hóa độc đáo, thể hiện trình độ, tri thức sáng tạo nghệ thuật tộc người. Để có được chiếc mũo, mặt nạ, trước đây, người chế tác phải mất khá nhiều công sức và thời gian đi tìm nguyên vật liệu cũng như thực hiện các công đoạn: tạo khuôn, đắp vải hoặc dán giấy, sau đó tách khuôn và vẽ hoa văn trang trí cho từng loại mũo, mặt nạ [1]. Các nhân vật đeo mặt nạ gồm: chằn, khỉ, đạo sĩ,... trong đó chằn đeo mặt nạ bằng giấy pha đất sét, tô màu sắc, có đỉnh nhọn như tháp. Nhân vật chính nam thì đội mũ (mũo) hình tháp nhọn cao, nữ đội mũ có đỉnh nhọn nhưng thấp hơn mũ nam,... [2]. Trải qua thời gian, tri thức chế tác mũo, mặt nạ luôn được các nghệ nhân Khmer linh động thay đổi thích ứng, qua đó giúp nghệ thuật biểu diễn

¹Bộ môn Nghệ thuật, Khoa Ngôn ngữ – Văn hóa – Nghệ thuật Khmer Nam Bộ, Trường ĐH Trà Vinh.

Email: caothang@tvu.edu.vn

Ngày nhận bài: 29/12/2016; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 25/5/2017; Ngày chấp nhận đăng: 07/9/2017

Khmer trong đó có sân khấu Rô băm tồn tại mãi đến ngày nay. Mặt nạ trong Rô băm thông qua múa vừa thể hiện hiện thực và thần thoại vừa thể hiện thẩm mỹ [3]. Việc chế tác máo, mặt nạ cũng khá phổ biến, tuy nhiên những nghệ nhân có tay nghề thì khá ít và số người am hiểu về màu sắc hoa văn trên máo, mặt nạ lại càng khan hiếm hơn [4]. Theo kết quả kiểm kê của Bảo tàng Tổng hợp Trà Vinh, số người biết kỹ thuật chế tác máo, mặt nạ Khmer ở Trà Vinh ngày càng hạn chế, người am hiểu đầy đủ càng hiếm [1]. Năm 2014, Trung tâm Trao đổi Giáo dục với Việt Nam (CEEVN) phối hợp với Bảo tàng Tổng hợp Trà Vinh tổ chức lễ khai giảng lớp truyền dạy kỹ thuật chế tác máo, mặt nạ Khmer. Khóa học này đã truyền dạy 02 kỹ thuật chế tác máo, mặt nạ bằng nguyên liệu vải và nguyên liệu giấy. Kết quả khóa học đã đáp ứng được nhu cầu thực tế trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, các học viên được đào tạo đa số là những người dân địa phương nên hoạt động chế tác chưa được nhân rộng. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi trình bày về tri thức dân gian của người Khmer tại Trà Vinh trong việc chế tác các sản phẩm máo, mặt nạ phục vụ nghệ thuật biểu diễn, với mong muốn nhận diện tính độc đáo trong sáng tạo nghệ thuật của tộc người, cùng với việc thích ứng với môi trường tự nhiên, người Khmer đã biết dựa vào tự nhiên, khai thác hiệu quả tự nhiên và ứng xử hài hòa với môi trường sống. Mặt khác, nghiên cứu này góp phần tìm hiểu về thực trạng, vai trò của nghệ nhân và vốn tri thức chế tác máo, mặt nạ từ truyền thống đến hiện đại của tộc người cùng các giá trị của máo, mặt nạ đóng góp trong văn hóa người Khmer Nam Bộ.

II. SƠ LƯỢC VỀ CON NGƯỜI VÀ VỐN TRI THỨC DÂN GIAN KHMER TRÀ VINH

A. Tộc người Khmer tại Trà Vinh

Trà Vinh là một trong 13 tỉnh, thành phố thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, nằm về phía hạ lưu sông Tiền và sông Hậu, giáp với Biển Đông, đây là địa bàn cư trú lâu đời của ba tộc người chính: Kinh, Khmer, Hoa và một số ít các tộc người khác. Đồng bào Khmer ở Trà Vinh có 324.877 người chiếm 31.62% dân số [5], có mặt ở các huyện, thành phố trong tỉnh, nhưng tập trung

đông nhất ở các huyện Trà Cú, Châu Thành, Cầu Ngang, Cầu Kè, Tiểu Cần,...

Về đặc điểm cư trú, người Khmer thường tập trung thành các phum, sóc trên các giong cát, ven sông, rạch, đường giao thông xen kẽ với các ấp, khóm, xóm làng của người Kinh, người Hoa hoặc người Chăm. Ngành nghề chủ yếu của người Khmer là sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và một số ít làm dịch vụ. Ngoài hoạt động lao động sản xuất, họ còn tham gia các hoạt động văn hóa, xã hội, tín ngưỡng tôn giáo. Trong quá trình phát triển, hai tôn giáo chính là Bà La Môn giáo và Phật giáo đã tồn tại với tổ tiên người Khmer suốt nhiều thế kỷ qua, đã khắc sâu vào đời sống tinh thần và phong tục tập quán của đồng bào. Trà Vinh hiện có hơn 90% đồng bào Khmer theo Phật giáo Nam Tông. Đây là tỉnh có số lượng chư tăng và chùa Khmer nhiều nhất trong các tỉnh Nam Bộ, với 3.115 chư tăng và 142 chùa (toàn khu vực Nam bộ có 463 chùa Khmer) [5], nhiều ngôi chùa của người Khmer nơi đây có niên đại khá lâu đời, cổ xưa như: Wat Som Rông Ek năm 642, Wat ĂngKorajaborey (chùa Ăng) năm 990,... Đối với đồng bào Khmer, ngôi chùa không chỉ là trung tâm sinh hoạt Phật giáo mà còn là trung tâm sinh hoạt văn hóa. Chùa là biểu tượng đặc trưng cho văn hóa dân tộc Khmer, nơi rèn luyện đạo đức và nhân cách con người, cũng là nơi giáo dục thanh thiếu niên người Khmer.

Nhìn chung, người Khmer tại Trà Vinh có nền văn hóa phong phú, cả văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Văn hóa vật chất bao gồm những dạng thức cơ bản như loại hình cư trú, nhà ở, công cụ lao động, thức ăn, trang phục... Văn hóa tinh thần bao gồm các loại văn học, nghệ thuật, âm nhạc, điệu múa, các lễ hội. Những yếu tố đó đều là những sản phẩm trí tuệ quý báu đã được sáng tạo, bổ sung qua nhiều thế hệ, nhiều thời kỳ lịch sử của người Khmer nơi đây, trở thành một bộ phận quan trọng trong nền văn hóa đa dạng và thống nhất của Việt Nam, với đặc điểm chung là hoạt động sáng tạo về vật chất, tinh thần của cộng đồng người trong quá trình chinh phục và thích nghi với thiên nhiên.

B. Tri thức dân gian Khmer - hình thành và ứng dụng

Tri thức dân gian (Folklore Knowledge) hay tri thức bản địa (Indigenouse knowledge), tri thức kỹ

thuật bản địa, cùng nhiều tên gọi khác như: kiến thức truyền thống (Traditional knowledge) hay kiến thức địa phương (Local knowledge), khoa học của dân hay tri thức của người nông thôn,..., có đối tượng là hệ thống các tri thức, sự hiểu biết, kinh nghiệm được hình thành qua quá trình lao động bởi con người.

Theo GS.TS Ngô Đức Thịnh: Tri thức bản địa là toàn bộ những hiểu biết của con người về tự nhiên, xã hội và bản thân, hình thành và tích lũy trong quá trình lịch sử lâu dài của cộng đồng, thông qua trải nghiệm trong quá trình sản xuất, quan hệ xã hội và thích ứng môi trường. Nó tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau và truyền từ đời này sang đời khác bằng trí nhớ và thực hành xã hội. Tri thức bản địa gồm các lĩnh vực sau: tri thức về tự nhiên và môi trường (kể cả vũ trụ); tri thức về bản thân con người (cơ thể học, dưỡng sinh, trị bệnh); tri thức về sản xuất, khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên; tri thức về ứng xử xã hội và quản lý cộng đồng; tri thức về sáng tạo nghệ thuật [6]. Một cách khái quát có thể hiểu đó là hệ thống tri thức mà người dân ở một cộng đồng tích lũy và phát triển dựa trên kinh nghiệm, đã được kiểm nghiệm qua thực tiễn và thường xuyên thay đổi để thích nghi với môi trường văn hóa, xã hội.

Với người Khmer Trà Vinh nói riêng và người Khmer Nam Bộ nói chung, quá trình lịch sử tồn tại của họ đã thể hiện được sự thích ứng với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội; sự lựa chọn, tích lũy kinh nghiệm, sáng tạo của cá nhân, cộng đồng tộc người qua nhiều thế hệ... tất cả hình thành nên hệ thống tri thức dân gian tộc người. Trong nền kinh tế nông nghiệp, từ xưa người Khmer đã trồng lúa nước và có nhiều kinh nghiệm trong việc canh tác lúa nước cũng như đánh bắt cá và chăn nuôi. Đồng bào phân biệt nhiều loại ruộng đất gieo và trồng các giống lúa, biện pháp kỹ thuật thích hợp cho từng loại đất. Người Khmer có nhiều sáng kiến tạo ra các biện pháp thủy lợi thích hợp với địa thế ruộng đất nơi mình cư trú. Ở vùng đất gò hay vùng đất cao gần giồng cát, việc lợi dụng nước mưa để làm ruộng và dùng thùng gánh hay gàu giai, gàu sòng kéo nước lên. Đồng bào còn lợi dụng các đường nước để dẫn vào dự trữ nước, khi cần thì tát vào ruộng. Ở những vùng gần sông rạch và

bị nhiễm mặn, phèn, đồng bào còn lợi dụng thủy triều để đưa nước vào ruộng, rồi đắp những đập nhỏ để giữ nước xổ phèn, giữ phù sa lại hoặc tập trung đào các ao lớn ở các vùng đất giồng, đất cao để lấy nước như: Ao Bà Om (Phường 8, Thành phố Trà Vinh); Bàu Dài (xã Nhị Trường, huyện Cầu Ngang). Đồng thời, bà con cũng biết chế tác nhiều công cụ hết sức đa dạng để phục vụ sản xuất nông nghiệp như: cây nọc để cấy lúa ở những nơi đất cứng, cây phảng để phát hoang trước khi cấy, cây vòng hái để gặt lúa. Đặc biệt trong khâu làm đất, bà con đã hình thành nên các loại dụng cụ thích hợp như: cái cày có chui cầm, lưỡi hình tam giác, các loại bừa, trục to dùng đôi trâu kéo thay sức người. Đồng bào Khmer cũng đã biết cách chọn giống lúa sao cho phù hợp với từng loại ruộng, không sợ bị úng, bị hạn mà lại cho năng suất cao [5]. Nhìn chung, người Khmer đã hình thành nên hệ tri thức thể hiện nếp sống văn hóa nông nghiệp... Ngoài ra, tri thức, kinh nghiệm của người Khmer còn thể hiện ở nhiều khía cạnh khác như phong tục, tập quán, thói quen, y tế, giáo dục và cả niềm tin của con người với thế giới tự nhiên và môi trường sống của mình, tất cả trở thành nguồn lực, vốn sống cho con người nơi đây.

Có thể phân loại tri thức dân gian người Khmer theo những tiêu chí của các nhà nghiên cứu dân tộc học [7] như Bảng 1

III. NGHỆ THUẬT NGƯỜI KHMER TRÀ VINH VỚI VIỆC CHẾ TẠO MÃO, MẶT NẠ

A. Vai trò của nghệ nhân chế tác mào, mặt nạ Khmer hiện nay

Nghệ nhân vốn có vai trò rất quan trọng trong việc duy trì sự tồn tại và phát triển của di sản văn hóa phi vật thể. Họ chính là “linh hồn”, “báu vật sống” trực tiếp tham gia sáng tạo, lưu giữ, truyền dạy và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể từ thế hệ này sang thế hệ khác. Thực tế cho thấy, các nghệ nhân chế tác mào, mặt nạ đều có sự am hiểu sâu sắc về văn hóa Khmer, có kiến thức ở nhiều lĩnh vực nghệ thuật khác nhau. Do các công đoạn để làm nên một sản phẩm đều hoàn toàn bằng thủ công, vì thế đòi hỏi tính cẩn thận, kiên trì, tỉ mỉ, khéo léo trong từng chi tiết nhỏ. Qua bàn tay và khối óc, người nghệ nhân Khmer

Bảng 1: Bảng phân loại tri thức dân gian Khmer Nam Bộ.

Stt	Phân loại tri thức dân gian Khmer	Diễn giải tri thức dân gian Khmer
1	Tri thức nhận biết các yếu tố tự nhiên	Đặc điểm địa hình, địa mạo, thổ nhưỡng, các đặc tính sinh học của động – thực vật, khí hậu – thời tiết, nguồn nước..., các kinh nghiệm khai thác, sử dụng và quản lí các yếu tố đó.
2	Tri thức liên quan đến quá trình mưu sinh	Đặc điểm địa hình, địa mạo, thổ nhưỡng, các đặc tính sinh học của động – thực vật, khí hậu – thời tiết, nguồn nước..., các kinh nghiệm khai thác, sử dụng và quản lí các yếu tố đó.
3	Tri thức trong việc quản lí xã hội	Thiết chế tự quản phum, sroc, nhà chùa, cùng với vai trò của luật tục, tôn giáo, gia đình...
4	Tri thức liên quan đến đời sống vật chất	Phum sroc, chùa chiền, nhà cửa, trang phục, đồ ăn thức uống, phương tiện vận chuyển...
5	Tri thức trong đời sống tinh thần	Tín ngưỡng, tôn giáo, y – dược thuật, các chuẩn mực trong ứng xử và giao tiếp xã hội, các loại hình văn học, nghệ thuật dân gian...

đã tạo ra những sản phẩm thể hiện được thần sắc, bản chất của nhân vật. Cùng với loại hình nghệ thuật Rô băm, nghề chế tác mào, mặt nạ phục vụ loại hình này cũng ra đời song song, đây chính là giá trị lịch sử nghệ. Từ cốt truyện Ream Kê – phiên bản Khmer sử thi Ramayana của Ấn Độ được hiện thực hóa bởi sân khấu Rô băm của người Khmer. Các nhân vật thuộc cốt truyện được nhân cách hóa và hành động hóa gồm: các vai người, thú hoặc các nhân vật tư duy tưởng tượng như chằn, nàng tiên cá... cùng với tính cách thiện và ác khác nhau, cụ thể: chằn xuất hiện dưới cái mặt nạ nhiều tầng đầu, nhiều mặt với bộ quần áo màu đen đặc trưng cho tâm địa hắc ám – mặt dữ tợn với đôi mắt ốc nhồi, tai thú, mũi sư tử biểu lộ sự hung tợn và đôi khi chúng có cặp nanh dài, nhọn hoặc gọi cho người xem hiểu là hắc có thuộc tính ăn thịt người [8]. Các loại mào, mặt nạ qua đó được nghệ nhân sáng tạo là một phần nhận diện ngoại hình, tính cách, nội tâm nhân vật. Việc nghệ nhân chế tác mào, mặt nạ trong biểu diễn Khmer như một nghệ thuật hóa trang làm bộc lộ nội tâm nhân vật.

Với vai trò quan trọng là người giữ gìn nghệ truyền thống, nghệ nhân dân gian Khmer vẫn ngày đêm miệt mài trong sự chế tác, sáng tạo mào, mặt nạ góp phần giữ hồn cho nghệ thuật biểu diễn Rô băm. Nghệ nhân Ưu tú Thạch Sang – đội Rô băm Yeak Rom Giồng Lức, huyện Châu Thành đã từng khẳng định rằng: “Dù có nhiều loại hình giải trí hiện đại thu hút đa phần trẻ em trong Phum Sroc nhưng chúng tôi vẫn sẽ làm

mào, mặt nạ và nhảy múa Rô băm trong các dịp lễ hội như một phần để giữ hồn dân tộc”². Trong cộng đồng, người nghệ nhân chính là người ông, người cha và cũng là người thầy nghề, tâm huyết nghề của họ còn thể hiện ở sự truyền nghề, họ đã và đang truyền thụ kiến thức nghề cho các thế hệ kế tiếp, tuy vẫn ở chừng mực tính chất “cha truyền con nối” và theo phương thức truyền thống của việc truyền dạy là cầm tay chỉ nghề. Nhưng nhìn chung, người nghệ nhân với năng lực chuyên môn, nắm giữ bí quyết nghề riêng, họ đã dùng sự hiểu biết, kĩ năng, kĩ thuật của mình để tạo ra những sản phẩm văn hóa vật chất, tinh thần có giá trị cao cho cộng đồng và văn hóa tộc người.

Nghệ thuật chế tác mào, mặt nạ phục vụ nghệ thuật biểu diễn tộc người Khmer hiện nay còn rất ít nghệ nhân am hiểu, bởi đây là nghề thường mang tính cha truyền con nối, đồng thời đòi hỏi người chế tác phải có sự sáng tạo nghệ thuật cùng kĩ năng nghề nghiệp và sự đam mê. Theo thống kê của Bảo tàng Tổng hợp Trà Vinh năm 2012, hiện tại ở Trà Vinh chỉ còn một số người biết chế tác mào, mặt nạ tiêu biểu như: ông Lâm Phen ấp Ba Se A; ông Thạch Ca Ri Nô ấp Chà Dư, xã Lương Hòa; ông Thạch Sang ấp Giồng Lức, xã Đa Lộc; Thạch Na Rin Đéc ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành; ông Kiên Thịnh ấp

²Sơn Cao Thắng. Tài liệu phỏng vấn NNUT Thạch Sang, trong di sản đã thực hiện dự án “Khôi phục và truyền dạy nghệ thuật kịch múa Yeak Rom – Rô băm Khmer Nam Bộ tại ấp Giồng Lức, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh”; 2013

Ô Trôm, Thạch Mét ấp Ô Trao, xã Hiếu Tử; ông Sơn Lộc, ấp Tân Trung Giồng A, Xã Hiếu Trung, huyện Tiểu Cần; ông Kim Panh, ấp Đôn Chùm, xã Tân Sơn, huyện Trà Cú; Kim Thane ấp Bến Trị; Kim Sen, Kim Ngọc, Kim Nghênh, ấp Bà Tây C, xã Tập Sơn; Kim Nu Phiếp ấp Mồ Côi, xã Đôn Xuân; Thạch Hùng ấp Bà Giam, xã Đôn Xuân; Kim Dưa ấp Nhuệ Tứ A; Đào Pha Ly ấp Trà Tro B, xã Hàm Giang, huyện Trà Cú; ông Sơn Cận Khóm 1, Phường 9; ông Sơn Thiệp Sô Phia Khóm 10, Phường 9, Thành phố Trà Vinh. Tuy nhiên, đa số những người này có tay nghề không cao, chỉ có một vài người có tay nghề tiêu biểu như: ông Lâm Phen ấp Ba Se A; ông Thạch Ca Ri Nô ấp Chà Dư, xã Lương Hòa; ông Thạch Sang ấp Giồng Lức, xã Đa Lộc; Thạch Na Rin Đéc ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành; ông Kim Mạnh ở ấp Trà Les, xã Tân Sơn, huyện Trà Cú [1].

Số liệu trên cho thấy số người biết kỹ thuật chế tác mào, mặt nạ Khmer ở Trà Vinh ngày càng hạn chế, người am hiểu đầy đủ càng hiếm. Các nghệ nhân dần cũng đã lớn tuổi nên vấn đề gìn giữ và phát huy loại hình nghệ thuật chế tác mào, mặt nạ Khmer đang rất cần được quan tâm. Việc truyền nghề cho thế hệ kế thừa là vấn đề khá quan trọng, nếu phum sóc có càng nhiều nghệ nhân giỏi, điêu luyện, có tâm huyết thì khả năng truyền nghề cho thế hệ trẻ người Khmer càng lớn. Nhận thức được việc gìn giữ và phát huy vốn nghệ thuật dân tộc, một số nghệ nhân tại Trà Vinh đã vượt khỏi ranh giới truyền nghề cha truyền con nối. Năm 2014, Trung tâm Trao đổi Giáo dục với Việt Nam phối hợp với Bảo tàng Tổng hợp Trà Vinh mở lớp truyền dạy nghề chế tác mào, mặt nạ trong biểu diễn văn hóa nghệ thuật Khmer cho một số thanh niên Khmer có năng khiếu về chế tác và niềm say mê nghệ thuật dân tộc, các nghệ nhân Lâm Phen, Thạch Ca Ri Nô đã nhiệt tình tham gia giảng dạy. Đây chính là hoạt động thiết thực nhằm duy trì nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc Khmer trong giai đoạn hiện nay.

B. Kỹ thuật chế tác mào, mặt nạ Khmer

Các tri thức, kỹ thuật chế tác sản phẩm mào, mặt nạ của người Khmer chính là những kinh nghiệm đúc kết trải qua nhiều thế hệ, từ thực tiễn thực hành biểu diễn Rô băm, những đóng

góp từ cộng đồng, kinh nghiệm ấy được truyền thụ bằng con đường truyền miệng, các khâu, công đoạn thực hành chế tác sản phẩm. Thực tế hiện nay, mỗi nghệ nhân người Khmer có được những tri thức, kỹ thuật riêng, từ khâu tạo khuôn đến chế tác sản phẩm. Từ thực tế nghiên cứu, chúng tôi xác định quy trình chế tác mào, mặt nạ của người Khmer gồm có 09 công đoạn: tạo khuôn; chọn, xử lý vật liệu; chiết xuất chất kết dính (pha chế chất kết dính); dán; phơi; tách khuôn; chắp nối, mài, chỉnh sửa; sơn lót, tô màu; trang trí.



Biểu đồ: Mô hình hóa quy trình chế tác mào, mặt nạ của người Khmer.

người nghệ nhân Khmer tiến hành tạo khuôn cho sản phẩm. Đó là mẫu vật dạng khối, hình trụ, được chạm khắc theo ý tưởng diện mạo nhân vật (Yeak, Hanuman, Ey sây,...). Sản phẩm sau khi rút tách từ khuôn không chỉ cho ra bề mặt vật chất khuôn mặt đã được định hình theo ý tưởng khuôn mà còn phải có phần rỗng – không gian bên trong để người diễn viên có thể trùm lên đầu. Theo quan niệm của các nghệ nhân, khuôn là một công cụ giúp định dạng cho sản phẩm, giúp người nghệ nhân gia công, chế tác sản phẩm với tốc độ nhanh, chính xác và đạt số lượng nhiều. Khi tạo khuôn người nghệ nhân xác định đường rãnh để tách sản phẩm được dễ dàng. Trong kỹ thuật làm khuôn, người nghệ nhân tùy theo kinh nghiệm truyền thống riêng mình mà chọn nguyên liệu riêng: đất sét, xi măng, tiện gỗ,...

Xưa kia, các nghệ nhân chọn gốc hoặc thân cây chuối làm khuôn, tuy nhiên mỗi nguyên vật liệu để làm khuôn đều có ưu khuyết điểm riêng của nó. Tri thức đối với việc chọn gốc chuối làm khuôn vì gốc chuối có dạng hình trụ, dễ chạm khắc những chi tiết nhỏ như: mắt, tai, mũi, miệng, trán, hàm răng, gò má... Cách khác, các nghệ

³Sơn Cao Thắng. Nghiên cứu chế tác mào, mặt nạ múa cổ điển của người Khmer Nam Bộ ; 2016. Kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường

nhân còn dùng thân cây chuối làm trụ, sau đó đắp đất sét xung quanh, mục đích nhằm tiết kiệm và tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có. Ưu điểm của việc chọn gốc chuối làm khuôn cho mặt nạ là khoảng thời gian lớp vải hoặc giấy sau khi dán lên khuôn khô thì gốc chuối (khuôn) đã héo, khi đó việc lấy sản phẩm mặt nạ ra khỏi khuôn thật dễ dàng.

Ngoài cách trên, người nghệ nhân Khmer còn tận dụng vật liệu dễ tìm và dễ khắc khuôn đó là đất sét. Họ quan niệm rằng: lựa chọn đất sét là khâu rất quan trọng trong chế tạo khuôn. Đất sét sử dụng là dạng đất thịt, sạch không pha cát, không lẫn sỏi, sạn, không lẫn tạp chất, có đặc tính dẻo, có độ kết dính tốt, có độ mịn cao và giữ được nước lâu. Công đoạn tiếp theo, đặt đất sét trên tấm ván và nhào nặn cho đều đến đủ độ dẻo thì dùng tay tạo dáng cho sản phẩm. Đối với máo múa cần thực hiện các chi tiết như vòm Kbang, cấu trúc tầng của máo.... Riêng mặt nạ, khi làm khuôn cần làm rõ các chi tiết mắt, mũi, miệng... nét đặc trưng của mỗi nhân vật. Tuy nhiên, khuôn của máo và khuôn của mặt nạ không cần làm đỉnh, bởi đỉnh là một dạng rời có thể chế tác riêng và chấp nối sau khi sản phẩm hoàn tất. Khi khuôn ráo, nghệ nhân dùng dao hoặc vật dụng bén cạo, tỉa các chi tiết thừa giúp cho khuôn được láng. Sau khi hoàn thành các chi tiết, đem khuôn đi phơi nắng để khuôn được ráo hoàn toàn.

Tạo khuôn từ xi măng: phải định hình khuôn bằng cốt thép hoặc sắt. Riêng về chi tiết cũng tương tự như vật liệu đất sét, khuôn xi măng cũng phải dùng tay tạo dáng, chi tiết cho sản phẩm, cắt tỉa những chi tiết dư giúp khuôn được láng. Khuôn làm bằng đất sét, xi măng: có những điểm tương đồng như có độ dẻo dai, có thể nặn, khắc các chi tiết cho khuôn mặt. Ưu điểm tái sử dụng khuôn được nhiều lần. Tuy nhiên, khi làm khuôn bằng xi măng phải xẻ thêm một rãnh nhỏ chạy vòng hai bên tai hoặc từ trước mặt ra sau, để khi xong công đoạn đắp vải hoặc dán giấy thì dùng dao cắt theo rãnh này để lấy máo ra rồi may hai phần lại, sau đó tiến hành sơn và vẽ hoa văn trang trí lên máo, mặt nạ.

Tiện gỗ: Chọn các gốc cây, gỗ nhẹ như mít, hoặc các gỗ tạp có đường kính phù hợp với đường kính máo, mặt nạ, sau đó vẽ định hình khoảng cách các chi tiết của máo, mặt nạ và tiện các chi tiết theo nét vẽ. Tiện cây do sử dụng bằng

máy tiện nên độ chính xác rất cao, thuận tiện cho những chi tiết có kích thước nhỏ. Nguyên liệu để chế tác máo, mặt nạ, theo truyền thống người Khmer thường sử dụng vải, kết hợp chất kết dính là nhựa (mủ cây). Tuy nhiên, không phải loại nhựa (mủ cây) nào cũng có thể sử dụng, nó phải đảm bảo khả năng kết dính cao, mau khô, bền và nhất là phải chọn loại cây có nguồn nhựa phong phú. Loại nhựa được đa số nghệ nhân Khmer chọn để chế tác máo, mặt nạ được chiết xuất từ trái thonlop prây (hồng rừng)⁴. Ưu điểm của mặt nạ khi làm bằng hỗn hợp vải và nhựa thonlop prây được đánh giá ở sức bền, khả năng chịu lực của sản phẩm vì khi khô thì nhựa và vải trở nên cứng. Máo, mặt nạ làm từ vải và nhựa khá bền, người diễn viên biểu diễn có thể sử dụng được nhiều lần, tiết kiệm chi phí và công sức. Sự hiểu biết về đặc tính của nguyên vật liệu thonlop prây kết hợp với vải đã giúp cho nghệ nhân Khmer chế tác được các sản phẩm máo, mặt nạ với sức bền để đời.

Song hành với tri thức chọn chất kết dính, nhiều tri thức dân gian khác cũng được ứng dụng trong khi chế tác máo, mặt nạ như cách thoa chất bôi trơn (đám lá gòn hoặc sử dụng dầu, nhớt) trên khuôn trước khi đắp giấy, để khi tách sản phẩm phơi khô từ khuôn được dễ dàng. Ngoài ra, những tri thức về cách pha màu và vẽ màu lên sản phẩm được lấy từ thiên nhiên cũng được các nghệ nhân vận dụng độc đáo. Theo truyền thống, để có màu vàng, nghệ nhân làm máo, mặt nạ tìm cây pro hút (bồ hút). Người ta dùng dao vạch lấy vỏ đem về cạo bỏ phần vỏ ngoài rồi giã nhuyễn cho vào nồi nấu keo lại sẽ có màu vàng. Có nghệ nhân thì dùng vỏ cây om pec, công đoạn chiết xuất tương tự. Để có màu tím thì tìm cây sa ma krò sây là loại cây lâu năm, gỗ tốt, chậm lớn. Thân cây thẳng, cành phân bố thành tầng, mỗi tầng cách nhau khoảng 1.2 – 1.5m, lá thon chiều dài khoảng 1.8 cm, chiều ngang khoảng 0.4 cm. Đối với cây sa ma krò sây, nghệ nhân dùng dao vạch phần vỏ của thân cây, sau đó chờ cây ra mủ hứng đem về sử dụng. Để có màu xanh thì nghệ nhân chiết xuất từ lá cây bồ ngót là loại cây được trồng nhiều sử dụng làm thực phẩm. Lá cây bồ

⁴Thon lop prây là loại cây thuộc họ của cây hồng, trái có rất nhiều nhựa. Đặc biệt, sau khoảng thời gian tiếp xúc không khí, mủ cây đông khô lại nên được các nghệ nhân sử dụng trong chế tác máo, mặt nạ Khmer.

ngọt lấy về giã nhuyễn vắt lấy nước cho vào nồi đun keo lại cho màu xanh sậm hoặc dùng lá dứa chiết xuất tương tự có màu xanh tươi. Để có màu đen, người ta dùng lá cây cỏ mực giã nhuyễn vắt lấy nước, hoặc lấy vỏ cây om phù bai (bần cơm) hay cây mặc nửa giã nhuyễn vắt lấy mủ, nấu keo lại cho ra màu đen. Một số nghệ nhân trước đây còn lấy vỏ cây sắn giã nhuyễn vắt lấy mủ, nấu sệt ra màu nâu; lấy trái cây đèn pò giã nhuyễn vắt lấy mủ nấu keo lại cho ra màu đỏ sậm; lấy trái cây sma ca pây (cây huyết) giã nhuyễn vắt lấy mủ, nấu keo lại cho ra màu đỏ tươi. Ngoài chiết xuất màu từ các loại cây cỏ, người ta còn sử dụng nhũ vàng hoặc vàng lá (trường hợp nhà giàu có) để trang trí trên mào. Hiện nay, người chế tác sản phẩm đã sử dụng nước sơn công nghiệp, vừa tiết kiệm được thời gian và công sức [1].

Ngày nay, để thuận tiện hơn, đa số các nghệ nhân đã thay đổi nguyên liệu. Thay vì phải chặt vật vào rừng để kiếm trái hồng, phải cắt từng mảnh vải, vạc vỏ cây, người nghệ nhân Khmer đã tận dụng nguồn keo hồ phong phú hoặc bột mì trên thị trường kết hợp với việc sử dụng giấy (giấy vụn, giấy báo), cạc tông, bìa cứng, véc sô...

Sau khi sản phẩm đã được tách khuôn, kinh nghiệm của các nghệ nhân thường dùng màu đen để sơn lót che đi một số chi tiết. Ví dụ: quá trình sơn lót đối với sản phẩm làm từ giấy, véc sô,... giúp che đi con chữ, một số chi tiết khiếm khuyết; quá trình sơn lót sản phẩm làm từ vải giúp vải no màu, khít các chi tiết đường chỉ của vải. Tô màu hay sơn, tùy theo từng loại mào, mặt nạ với quy định màu sắc mà người nghệ nhân thực hiện: Chăn Krông Reap màu xanh, Mào tiền màu vàng, Mặt Maha Phhrum màu hồng,... Công đoạn cuối cùng là hoạt động trang trí. Mỗi mào, mặt nạ có những cách trang trí hoa văn đặc trưng: hoa văn Chan, Pnhì Plon, Pnhì Thês... Hoa văn trang trí được cắt từ giấy, mủ, đất sét màu,... Vị trí của hoa văn được trang trí vào các chi tiết Kbang, chi tiết vành tai, chóp đỉnh. Công đoạn vẽ được thực hiện ở các chi tiết mắt, mi, chân mày, tóc, xoáy óc, râu, miệng, mũi... đường vẽ thể hiện ở mức độ đậm nhạt khác nhau. Đính hạt cườm, dát, tô vàng được thực hiện đối với những mào, mặt nạ dành cho những nhân vật có địa vị. Việc đính những phụ kiện trang trí giúp cho mào, mặt

nạ được sáng và lộng lẫy hơn. Trung bình, mỗi chiếc mặt nạ mất khoảng 04 giờ để hoàn thành, không kể thời gian phơi. Một chiếc mặt nạ thành phẩm được coi là đảm bảo chất lượng khi đạt độ cứng tốt, màu sắc bắt mắt, đúng theo cốt truyện cổ, trích đoạn dàn dựng... Những chiếc mào, mặt nạ được vẽ rất sắc sảo, nó là yếu tố quyết định cho các bộ trang phục lộng lẫy được sử dụng trong hình thức múa cổ điển mang phong cách của người Khmer.

Qua nghiên cứu quy trình, kỹ thuật chế tác sản phẩm mào, mặt nạ của các nghệ nhân, chúng tôi nhận thấy tri thức của tộc người Khmer có được trong lĩnh vực này khá đa dạng. Thể hiện rõ nhất là tri thức chế tác sản phẩm mang yếu tố gắn với thiên nhiên, gắn với yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo.

* Yếu tố gắn bó với thiên nhiên:

- Sử dụng các nguyên, vật liệu thiên nhiên: gốc chuối, đất sét, mủ cây,...

- Màu sắc thiên nhiên: các nguyên liệu màu được chiết xuất từ tự nhiên;

- Hoa văn trang trí: hình lá cây, ngọn lửa.

* Yếu tố tín ngưỡng tôn giáo:

- Mào, mặt nạ được thờ cúng, đọc kinh (câu chú) cúng tổ trước khi biểu diễn;

- Màu sắc gắn với yếu tố tôn giáo (6 màu trong Phật giáo);

- Mào, mặt nạ là hình ảnh của các nhân vật trong thần thoại, cổ tích Khmer: chằn, khỉ Hanuman, thần Maha Phhrum,...

Để hệ thống được tri thức dân gian trong chế tác mào, mặt nạ mà mỗi nghệ nhân Khmer có được, chúng tôi đã chọn lựa những nghệ nhân có kinh nghiệm lâu năm trong nghề chế tác mào, mặt nạ: NNƯT Lâm Phen, Sơn Cân, NNƯT Thạch Sang... để thực hiện cuộc điều tra, phỏng vấn về chất liệu, quy trình cũng như một số kinh nghiệm, kỹ thuật trong việc chế tác mào, mặt nạ theo cách truyền thống của người Khmer tại Trà Vinh.

IV. GIÁ TRỊ THỨC CHẾ MÀO, MẶT NẠ TRONG ĐỜI SỐNG TỘC NGƯỜI KHMER

Mào và mặt nạ của người Khmer vốn là tác phẩm nghệ thuật độc đáo, được các nghệ nhân chế tác theo phương pháp thủ công truyền thống mang tính đặc trưng đã phục vụ đắc lực cho sinh hoạt văn hóa nghệ thuật và không thể thiếu trong

Bảng 2: Hệ thống tri thức dân gian trong chế tác mào, mặt nạ của một số nghệ nhân Khmer tại tỉnh Trà Vinh

Stt	Nghệ nhân	Tri thức dân gian	Mặt được	Mặt hạn chế
1	NNƯT. Thạch Sang; NNƯT. Thạch Ca Ri Nô – Châu Thành, TV	Nguyên vật liệu chế tác mào, mặt nạ gồm: mũ trái thon lop (hồng rừng), vải, đắp khuôn bằng đất sét, chêm thân cây chuối để tiết kiệm đất sét.	Sử dụng xi măng để làm khuôn, nguyên vật liệu, keo hồ, giấy vẽ số, sơn nhũ vàng.	- Sản phẩm có trọng lượng nặng - Trái hồng rừng hiếm, nhựa trái lâu khô - Thời gian chế tác lâu (gần 01 tháng), Khuôn đất sét chỉ sử dụng 01 lần duy nhất.
2	NN. Sơn Căn – Phường 9, TP. Trà Vinh, TV	Ngoài sử dụng đất sét để làm khuôn, còn sử dụng cây để khắc khuôn. Nguyên liệu sử dụng hồ được khuấy từ bột mì tinh, giấy bồi, kim tuyến.	- Sản phẩm nhẹ - Cân xứng, mẫu mã đẹp - Không ảnh hưởng sức khỏe người sử dụng	Thời gian chế tác lâu (1 đến 2 tuần), khuôn đất sét chỉ sử dụng được 1 lần duy nhất.
3	NNƯT. Lâm Phen – Ấp Ba Se A, Châu Thành, TV	Sử dụng xi măng để làm khuôn, nguyên vật liệu, keo hồ, giấy vẽ số, sơn nhũ vàng.	- Sản phẩm nhẹ, đẹp - Sử dụng khuôn được nhiều lần	Sản phẩm thấm mồ hôi, hạn chế tiếp xúc với nước khi biểu diễn.

(Nguồn: Trích cuộc phỏng vấn các nghệ nhân chế tác mào, mặt nạ Khmer tại Trà Vinh được thực hiện bởi nhóm nghiên cứu từ tháng 2 đến tháng 5/2016 [9])

đời sống tinh thần của người Khmer. Nghề chế tác mào, mặt nạ thường mang tính cha truyền con nối, đòi hỏi người thực hiện phải có kiến thức và am hiểu nhiều về lĩnh vực nghệ thuật khác, đồng thời trong quá trình chế tác phải khéo léo và kiên trì mới có một tác phẩm bền, đẹp. Ngoài giá trị tâm linh, nó được sử dụng trong các loại hình nghệ thuật truyền thống tộc người như: múa Chay yam, múa Rô bằm, múa cổ điển... Với vai trò là đạo cụ quan trọng không thể thiếu trong loại hình nghệ thuật biểu diễn, các nghệ nhân dân gian Khmer đã kì công chế tạo sản phẩm mào, mặt nạ đóng góp vào giá trị chung của văn hóa tộc người qua nhiều thế hệ.

Mỗi chiếc mào, mặt nạ tương ứng với giá trị là thành quả của cả quá trình phức tạp, đòi hỏi sự tỉ mỉ, sự hiểu biết, kinh nghiệm của người nghệ nhân. Chính sự phong phú về việc vận dụng nguyên vật liệu, đi liền với công đoạn, phương thức hay kĩ thuật chế tác, các kinh nghiệm dân gian về phối màu, phân bố màu sắc và tạo hoa văn trên các loại sản phẩm. Các sản phẩm mào, mặt nạ có giá trị về tiêu dùng và là tài sản của mỗi người diễn viên, đáng chú ý là giá trị văn hoá, chứa đựng trong đó kho tàng tri thức dân

gian phong phú, trở thành niềm tự hào của tộc người Khmer, làm nên đặc trưng bản sắc văn hoá dân tộc. Vốn tri thức này trở thành nền tảng cơ bản – nguồn nuôi dưỡng cho sự phong phú và sức sống của một nền văn hóa, đã và đang đóng góp cho cộng đồng những sản phẩm văn hóa, sản phẩm thủ công đặc trưng của địa phương, là sức sống trường tồn cho loại hình nghệ thuật truyền thống tộc người Khmer.

Nói đến tri thức dân gian là nói đến một hệ thống tri thức động, luôn luôn có sự vận động, biến đổi, giao thoa và tích hợp, gắn liền với quá trình sống, sản xuất và tái sản xuất của cộng đồng. Từ kinh nghiệm truyền thống, ngày nay nghệ nhân đã có những ứng dụng chế tác với công nghệ mới, giá trị của việc này thể hiện ở sự linh động tiếp nhận thành tựu khoa học giúp nghề chế tác mào, mặt nạ của người Khmer được phong phú, đa dạng hơn.

V. KẾT LUẬN

Trong quá trình tồn tại, cộng đồng người Khmer Trà Vinh đã có được những tri thức dân gian nhất định, trong đó có kĩ thuật chế tác các sản phẩm mào, mặt nạ biểu diễn. Tri thức này

trở thành thành tố quan trọng của văn hóa, là tài sản của tộc người Khmer trong quá trình phát triển góp phần làm nên bản sắc tộc người, phản ánh mối quan hệ của cộng đồng đối với môi trường tự nhiên và xã hội. Chính sự thích ứng với môi trường tự nhiên, việc vận dụng những nguồn nguyên vật liệu sẵn có, những nghệ nhân Khmer đã dùng bàn tay khéo léo kết hợp với tri thức văn hóa, xã hội, nghệ thuật dân tộc mình để có được sản phẩm văn hóa phục vụ nghệ thuật biểu diễn: múa Rô băm, múa Chay yam,... Thời đại ngày nay, với điều kiện của nền kinh tế thị trường, mọi mặt của đời sống xã hội của người Khmer đã có nhiều thay đổi so với truyền thống, sự phát triển của khoa học kĩ thuật, tuy nhiên những tri thức dân gian này vẫn được người Khmer thực hành như một sức mạnh tiềm tàng của văn hóa tộc người. Do đó, chúng ta cần phải coi tri thức dân gian như một nguồn tài nguyên quan trọng và lập kế hoạch nghiên cứu, sưu tầm, đánh giá một cách khách quan khoa học, phát huy những tính tích cực của tri thức dân gian Khmer nói chung và tri thức trong sáng tạo nghệ thuật biểu diễn Khmer nói riêng. Đồng thời áp dụng những tiến bộ của khoa học, kĩ thuật với tri thức dân gian để góp phần làm giàu cho giá trị văn hóa tộc người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Hoàng Tuấn. *Nghệ thuật chế tác mào, mặt nạ của người Khmer ở Trà Vinh*; 2015. Truy cập từ: <http://vhttdlkv3.gov.vn> [Ngày truy cập: 18/8/2017].
- [2] Đặng Vũ Thị Thảo. Sân khấu của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long. Văn hóa, văn nghệ truyền thống của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long. Trong: Kỷ yếu Hội nghị khoa học tại tỉnh Hậu Giang tháng 4 – 1981; 1981.
- [3] Thạch Thảo. *Rô Băm nghệ thuật thể hiện thần thoại bằng múa và mặt nạ: Về sân khấu truyền thống Khmer Nam Bộ*. vol. 94. Nhà Xuất bản Sở Văn hóa Thông tin Sóc Trăng; 1998. Phân viện văn hóa nghệ thuật tại TP. Hồ Chí Minh.
- [4] Nguyễn Thị Dung. Mào, mặt nạ trong nghệ thuật sân khấu Rô Băm [Luận văn Thạc sĩ]; 2016.
- [5] Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Trà Vinh. *Phong trào yêu nước của đồng bào Khmer tỉnh Trà Vinh (1930-2010)*. Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật; 2015.
- [6] Ngô Đức Thịnh. Thế giới quan bản địa. *Tạp chí Văn hóa dân gian*. 2004;4:3-15.
- [7] Nguyễn Danh Tiên. Tri thức bản địa. *Tạp chí Lý luận chính trị*. 2014;6.
- [8] Huỳnh Ngọc Trảng. *Chăn trong sân khấu Khmer đồng bằng sông Cửu Long: Về sân khấu truyền thống Khmer Nam Bộ*. Sở VHNT tỉnh Sóc Trăng và Phân viện VHNT Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh; 1998: 117 – 128. Truy cập từ: <http://vhttdlkv3.gov.vn> [Ngày truy cập: 18/8/2014].
- [9] Sơn Cao Thắng. *Nghiên cứu chế tác mào, mặt nạ múa cổ điển của người Khmer Nam Bộ*; 2016. Tài liệu điền dã thực hiện đề tài cấp trường.